

Số: 4561/TB-PPC

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG**  
**KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM;  
- Quý Cổ đông.

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI
  - Mã chứng khoán: PPC
  - Địa chỉ trụ sở chính: Km28, QL18, Phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương
  - Điện thoại: 0220.3881126 Fax: 0220.3881338
  - Người CBTT: Nguyễn Hoàng Hải - Người đại diện theo Pháp luật
- Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố (\*):**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Giải trình về việc biến động KQKD trên BCTC soát xét năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: <http://ppc.evn.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KT (CBTT trên trang Web);
- Lưu: VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Hoàng Hải**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 31



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Mai Quốc Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Thành viên
Ông Ngô Nguyên Đồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 6 năm 2024)

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Kiên Quyết	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Hoàng Hải**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



Số: **0217** /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### *Kết luận của kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Trong năm 2023, Công ty chịu mức nộp phạt hành chính về vi phạm môi trường cùng với hình phạt bổ sung là bị đình chỉ hoạt động trong vòng 12 tháng kể kể từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn điện lực Việt Nam giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động từ Công ty. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thực hiện các biện pháp khắc phục và tiếp tục hoạt động sản xuất theo kế hoạch huy động nguồn điện cho năm 2024. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào việc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án khắc phục vi phạm môi trường. Những điều kiện này cùng với các vấn đề khác như trình bày tại Thuyết minh số 2, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Phan Ngọc Anh**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1101-2023-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.492.385.807.943</b>	<b>2.929.235.432.033</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>13.683.512.119</b>	<b>23.485.928.018</b>
1. Tiền	111		13.683.512.119	23.485.928.018
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	<b>100.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	100.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.323.181.776.101</b>	<b>1.978.018.472.289</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	2.309.963.840.536	1.865.525.132.235
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		871.011.437	871.011.437
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	15.368.228.648	114.643.633.137
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.021.304.520)	(3.021.304.520)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>983.806.384.573</b>	<b>709.143.601.882</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.050.991.538.943	778.129.235.840
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(67.185.154.370)	(68.985.633.958)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>171.714.135.150</b>	<b>118.587.429.844</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	9.546.026.163	34.422.500
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		147.830.839.832	83.659.169.535
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	14.337.269.155	34.893.837.809
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.823.494.411.348</b>	<b>2.848.682.496.961</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>247.306.271.747</b>	<b>273.075.923.595</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	246.700.390.043	272.091.055.629
- Nguyên giá	222		13.614.723.941.574	13.610.174.993.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.368.023.551.531)	(13.338.083.937.563)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	605.881.704	984.867.966
- Nguyên giá	228		60.334.919.230	60.334.919.230
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.729.037.526)	(59.350.051.264)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>25.743.547.615</b>	<b>25.579.843.626</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	25.743.547.615	25.579.843.626
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>2.498.680.387.550</b>	<b>2.500.053.887.550</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(37.218.500.000)	(35.845.000.000)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>51.764.204.436</b>	<b>49.972.842.190</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	41.658.623.155	40.710.120.013
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		160.410.647	160.410.647
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	8	9.945.170.634	9.102.311.530
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>6.315.880.219.291</b>	<b>5.777.917.928.994</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.702.882.184.453</b>	<b>767.100.345.273</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.702.882.184.453</b>	<b>767.100.345.273</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.144.086.073.337	555.443.434.552
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		350.501.682	350.501.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	12.202.275.903	9.631.737.318
4. Phải trả người lao động	314		56.630.404.913	81.006.745.889
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	53.079.234.078	4.115.162.142
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	390.022.136.428	94.575.127.237
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	46.511.558.112	21.977.636.453
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.612.998.034.838</b>	<b>5.010.817.583.721</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>4.612.998.034.838</b>	<b>5.010.817.583.721</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.692.500.615	11.692.500.615
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		298.170.049.781	298.170.049.781
5. Cổ phiếu quỹ	415		(87.388.368.719)	(87.388.368.719)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		663.236.094.249	619.581.459.281
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		464.937.758.912	906.411.942.763
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		213.711.937.952	614.478.255.452
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		251.225.820.960	291.933.687.311
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>6.315.880.219.291</b>	<b>5.777.917.928.994</b>

  
Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu

  
Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng	01	22	4.465.314.874.118	2.707.507.666.973
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		4.465.314.874.118	2.707.507.666.973
3. Giá vốn hàng bán	11	23	4.242.187.609.919	2.588.013.116.856
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		223.127.264.199	119.494.550.117
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	113.990.469.221	144.541.377.968
6. Chi phí tài chính	22		1.862.693.593	(1.091.933.302)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	64.042.909.424	46.672.175.511
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		271.212.130.403	218.455.685.876
9. Thu nhập khác	31		911.032.493	773.742.524
10. Chi phí khác	32		340.773.282	350.007.708
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		570.259.211	423.734.816
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		271.782.389.614	218.879.420.692
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	20.556.568.654	15.272.664.176
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	-	2.272.414.281
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		251.225.820.960	201.334.342.235
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	784	628

Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu

Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	271.782.389.614	218.879.420.692
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	29.972.618.570	30.575.986.937
Các khoản dự phòng	03	(2.346.611.557)	(15.290.551.523)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(113.990.469.221)	(144.541.377.968)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	185.417.927.406	89.623.478.138
Thay đổi các khoản phải thu	09	(490.721.432.609)	757.980.996.126
Thay đổi hàng tồn kho	10	(271.785.530.238)	(214.729.240.255)
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	594.484.884.907	(139.798.662.069)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(10.460.106.805)	(14.465.790.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	5.245.076.520
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	41.120.300	44.720.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.057.110.574)	(18.410.122.799)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.080.247.613)</b>	<b>465.490.454.913</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.862.603.382)	(2.415.275.268)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(150.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	150.000.000.000	90.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	215.933.496.375	82.202.045.777
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>312.070.892.993</b>	<b>19.786.770.509</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(305.793.061.279)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(305.793.061.279)</i>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50	<b>(9.802.415.899)</b>	<b>485.277.225.422</b>
Tiền đầu kỳ	60	23.485.928.018	60.340.860.070
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	70	<b>13.683.512.119</b>	<b>545.618.085.492</b>



Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt Điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 01 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0800296853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 26 tháng 01 năm 2006, sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023.

Ngày 26 tháng 01 năm 2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo thông báo ngày 17 tháng 01 năm 2007, với mã chứng khoán là PPC.

Chủ sở hữu của Công ty là Tổng Công ty Phát điện 2 (EVNGENCO2).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 730 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 736 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh điện năng
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình Nhiệt điện, công trình kiến trúc của Nhà máy điện
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp công trình điện
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
- Sản xuất, chế tạo các thiết bị, vật tư phụ tùng cơ- nhiệt điện
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện
- Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên về quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1 công ty liên kết) là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002, sửa đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 7 năm 2021. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện (nhiệt điện). Trụ sở chính của công ty đặt tại thôn Đoan, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Giả định hoạt động liên tục**

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường - Bộ Công an đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đình chỉ hoạt động Công ty trong vòng 12 tháng để sửa chữa nhà máy và khắc phục các hoạt động gây ô nhiễm môi trường. Thời điểm bắt đầu đình chỉ hoạt động Công ty trong thời hạn 12 tháng là từ ngày Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) giao nhiệm vụ, đấu thầu giao nhiệm vụ, chỉ định đơn vị hoặc lựa chọn được nhà thầu khác cung ứng điện thay thế nguồn điện huy động Công ty. Hiện nay, Ban lãnh đạo Công ty đang thực hiện các biện pháp cần thiết để khắc phục vi phạm về môi trường. Báo cáo tài chính được lập trên nguyên tắc hoạt động liên tục dựa trên các cơ sở như sau:

- Công ty đã được Bộ Công thương phê duyệt kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2024 theo Quyết định số 3110/QĐ-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2023. Theo hợp đồng mua bán điện, Công ty đã có thỏa thuận bán điện đến năm 2031 đã ký với EVN.
- Công ty đang thực hiện công tác đại tu, sửa chữa các tổ máy để khắc phục các vấn đề gây ô nhiễm môi trường và đã có kế hoạch về phương án đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý khí thải đáp ứng tiêu chuẩn theo qui định tại Việt Nam và đảm bảo điều kiện tiếp tục hoạt động trong các năm tới, bao gồm:
  - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 1, Công ty đã hoàn thành đại tu các hệ thống lọc bụi của 5 lò hơi của dây chuyền 1, đang thực hiện triển khai 2 lò hơi (lò hơi số 1A và lò hơi số 1B) và dự kiến hoàn thành trong cuối năm 2024, khắc phục một phần vi phạm về bụi khí thải.
  - Đối với các tổ máy của Dây chuyền 2, Công ty đang triển khai kế hoạch sửa chữa đại tu hệ thống khử lưu huỳnh oxit (SOx) trong năm 2024 và kế hoạch hoàn thành việc sửa chữa hệ thống khử khí nitơ oxit (NOx) trong năm 2025.
  - Công ty cũng đang thực hiện các thủ tục đề xuất các cơ quan thẩm quyền bổ sung dự án chuyển đổi sử dụng nhiên liệu than sang đốt kèm sinh khối, NH3 cho Dây chuyền 1 và Dây chuyền 2 vào Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.
- Công ty đang thực hiện các thủ tục với các bên liên quan để phê duyệt kế hoạch cung cấp vận hành điện cho năm 2025 - 2026.

Tại ngày báo cáo này, Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt các phương án đầu tư mới và cải tạo nâng cấp nhà máy để khắc phục hoàn toàn các vấn đề về môi trường, việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục phụ thuộc vào sự phê duyệt các phương án này. Ban lãnh đạo Công ty đánh giá và tin tưởng Công ty có đủ nguồn lực để thực hiện theo các phương án đã đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

#### **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

##### ***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, ngoại trừ nguyên vật liệu là than và dầu dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (đối với khối sản xuất kinh doanh) và phương pháp thực tế đích danh (đối với khối xây dựng cơ bản).

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản, nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.



Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc, thiết bị	05 - 36
Phương tiện vận tải	10 - 17
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Giá trị phần mềm được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

#### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan, phù hợp với Chế độ kế toán của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Công ty ghi nhận chi phí sửa chữa lớn theo thực tế phát sinh. Chi phí sửa chữa lớn này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán khi công trình sửa chữa lớn hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn của các công trình sửa chữa chưa hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng tại thời điểm cuối kỳ được theo dõi trên tài khoản Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước, và các khoản chi phí trả trước khác.

Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước thể hiện khoản tiền nộp hằng năm vào Ngân sách Nhà nước để được cấp quyền sử dụng nước với khối lượng lớn. Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, vật tư thiết bị đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện), có xác nhận của khách hàng và giá bán điện đã được thỏa thuận trong các hợp đồng đã ký kết.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	179.425.324	1.412.264.198
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.504.086.795	22.073.663.820
	<b>13.683.512.119</b>	<b>23.485.928.018</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.305.243.441.290	1.862.937.205.202
Khác	4.720.399.246	2.587.927.033
	<b>2.309.963.840.536</b>	<b>1.865.525.132.235</b>

*Trong đó:*

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	2.305.243.441.290	1.862.937.205.202
--	-------------------	-------------------

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức được chia	7.080.000.000	107.452.068.250
Tạm ứng cho nhân viên	4.580.712.000	2.447.553.000
Khác	3.707.516.648	4.744.011.887
	<b>15.368.228.648</b>	<b>114.643.633.137</b>

*Trong đó:*

Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	7.080.000.000	107.452.068.250
--	---------------	-----------------

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
			VND			VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	3.021.304.520	-	Trên 3 năm	3.021.304.520	-	Trên 3 năm
	<b>3.021.304.520</b>	-		<b>3.021.304.520</b>	-	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		<b>3.021.304.520</b>			<b>3.021.304.520</b>	

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.

8. HÀNG TỒN KHO

a. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.049.142.530.070	(65.562.675.380)	776.104.612.968	(67.362.746.120)
Công cụ, dụng cụ	1.828.654.119	(1.622.478.990)	2.004.268.118	(1.622.887.838)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.354.754	-	20.354.754	-
	<b>1.050.991.538.943</b>	<b>(67.185.154.370)</b>	<b>778.129.235.840</b>	<b>(68.985.633.958)</b>

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND		VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	156.564.962.537	(146.619.791.903)	157.641.735.402	(148.539.423.872)
	<b>156.564.962.537</b>	<b>(146.619.791.903)</b>	<b>157.641.735.402</b>	<b>(148.539.423.872)</b>

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 3.720.111.557 VND (kỳ trước: 14.185.051.524 VND). Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập cho các mặt hàng đã được trích lập dự phòng từ các năm trước, kỳ này được xuất vào sử dụng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	8.333.331.501	-
Khác	1.212.694.662	34.422.500
	<b>9.546.026.163</b>	<b>34.422.500</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Vật tư thiết bị dài hạn xuất dùng	36.781.326.401	33.904.424.752
Chi phí sửa chữa	2.808.437.268	5.065.843.905
Công cụ dụng cụ	1.932.714.296	1.533.640.687
Khác	136.145.189	206.210.669
	<b>41.658.623.155</b>	<b>40.710.120.013</b>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu kỳ	1.708.812.563.537	11.707.404.269.081	113.022.972.921	73.352.755.633	7.582.432.020	13.610.174.993.192
Tăng trong kỳ	-	-	4.254.629.630	294.318.752	-	4.548.948.382
Số dư cuối kỳ	<u>1.708.812.563.537</u>	<u>11.707.404.269.081</u>	<u>117.277.602.551</u>	<u>73.647.074.385</u>	<u>7.582.432.020</u>	<u>13.614.723.941.574</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu kỳ	1.576.495.955.046	11.601.578.825.016	86.569.749.037	67.886.771.850	5.552.636.614	13.338.083.937.563
Khấu hao trong kỳ	10.816.044.581	14.812.236.686	2.334.234.263	1.351.058.258	626.040.180	29.939.613.968
Số dư cuối kỳ	<u>1.587.311.999.627</u>	<u>11.616.391.061.702</u>	<u>88.903.983.300</u>	<u>69.237.830.108</u>	<u>6.178.676.794</u>	<u>13.368.023.551.531</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu kỳ	<u>132.316.608.491</u>	<u>105.825.444.065</u>	<u>26.453.223.884</u>	<u>5.465.983.783</u>	<u>2.029.795.406</u>	<u>272.091.055.629</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>121.500.563.910</u>	<u>91.013.207.379</u>	<u>28.373.619.251</u>	<u>4.409.244.277</u>	<u>1.403.755.226</u>	<u>246.700.390.043</u>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 12.735.182.880.519 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 12.731.334.148.940 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	2.920.017.598	60.334.919.230
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	2.920.017.598	60.334.919.230
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu kỳ	57.414.901.632	1.935.149.632	59.350.051.264
Khấu hao trong kỳ	-	378.986.262	378.986.262
Số dư cuối kỳ	57.414.901.632	2.314.135.894	59.729.037.526
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	984.867.966	984.867.966
Tại ngày cuối kỳ	-	605.881.704	605.881.704

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 58.210.431.632 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 58.210.431.632 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cải tạo nâng cấp thiết bị dây chuyền 1	9.381.043.359	9.381.043.359
Chi phí quản lý dự án	5.550.278.491	5.550.278.491
Hệ thống khử khí NOx, SOx dây chuyền 2	3.893.580.616	3.893.580.616
Các công trình khác	6.918.645.149	6.754.941.160
	<b>25.743.547.615</b>	<b>25.579.843.626</b>



13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	VND Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	VND Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng (i)	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150	-	1.451.055.770.150
	<b>1.451.055.770.150</b>	<b>-</b>	<b>1.451.055.770.150</b>	<b>1.451.055.770.150</b>	<b>-</b>	<b>1.451.055.770.150</b>

(i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng hoạt động kinh doanh có lãi cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2023.

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	VND Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	VND Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>b. Đầu tư vào các đơn vị khác</b>						
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	817.295.117.400	-	817.295.117.400	817.295.117.400	-	817.295.117.400
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	70.800.000.000	-	70.800.000.000	70.800.000.000	-	70.800.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	50.250.000.000	-	50.250.000.000	50.250.000.000	-	50.250.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	46.498.000.000	(37.218.500.000)	9.279.500.000	46.498.000.000	(35.845.000.000)	10.653.000.000
	<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(37.218.500.000)</b>	<b>1.047.624.617.400</b>	<b>1.084.843.117.400</b>	<b>(35.845.000.000)</b>	<b>1.048.998.117.400</b>

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 29.



14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	781.467.374.034	267.463.239.174
Tổng Công ty Đông Bắc - Bộ Quốc Phòng	281.659.156.064	56.692.941.703
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	23.777.371.342	43.249.296.705
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1 Phả Lại	12.258.253.260	65.091.219.104
Viện Nghiên cứu Cơ khí	8.037.484.134	49.914.696.495
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	3.922.606.995	17.543.567.684
Khác	32.963.827.508	55.488.473.687
	<b>1.144.086.073.337</b>	<b>555.443.434.552</b>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU)/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	357.300.659.825	357.300.659.825	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.893.837.809)	20.556.568.654	-	(14.337.269.155)
Thuế thu nhập cá nhân	3.127.435.023	12.008.388.958	11.577.076.303	3.558.747.678
Thuế tài nguyên	6.504.302.295	48.738.408.210	46.599.182.280	8.643.528.225
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	16.666.663.000	16.666.663.000	-
Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	12.800.156.554	12.800.156.554	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	249.997.279	249.997.279	-
	<b>(25.262.100.491)</b>	<b>468.320.842.480</b>	<b>445.193.735.241</b>	<b>(2.134.993.252)</b>
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</i>	<i>34.893.837.809</i>			<i>14.337.269.155</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	<i>9.631.737.318</i>			<i>12.202.275.903</i>

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn phải trả	45.045.599.885	-
Các khoản trích trước khác	8.033.634.193	4.115.162.142
	<b>53.079.234.078</b>	<b>4.115.162.142</b>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	388.215.616.234	92.859.201.263
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.806.520.194	1.715.925.974
	<b>390.022.136.428</b>	<b>94.575.127.237</b>

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Kỳ này	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	21.977.636.453	20.165.625.554
Tăng trong kỳ/năm	47.937.013.893	41.500.610.968
Trích từ lợi nhuận	47.895.893.593	41.080.614.625
Tăng khác	41.120.300	419.996.343
Giảm trong kỳ/năm	<b>(23.403.092.234)</b>	<b>(39.688.600.069)</b>
Sử dụng trong kỳ/năm	(23.057.110.574)	(39.086.938.221)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ/năm	(345.981.660)	(601.661.848)
Số dư cuối kỳ/năm	<b>46.511.558.112</b>	<b>21.977.636.453</b>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>							
Số dư đầu kỳ	3.262.350.000.000	11.692.500.615	295.618.140.373	(87.388.368.719)	1.155.788.637.402	378.394.044.564	5.016.454.954.235
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	201.334.342.235	201.334.342.235
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	67.494.207.537	(67.494.207.537)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(41.080.614.625)	(41.080.614.625)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>11.692.500.615</b>	<b>295.618.140.373</b>	<b>(87.388.368.719)</b>	<b>1.223.282.844.939</b>	<b>471.153.564.637</b>	<b>5.176.708.681.845</b>
<b>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>							
Số dư đầu kỳ	3.262.350.000.000	11.692.500.615	298.170.049.781	(87.388.368.719)	619.581.459.281	906.411.942.763	5.010.817.583.721
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	251.225.820.960	251.225.820.960
Trích Quỹ đầu tư, phát triển (i)	-	-	-	-	43.654.634.968	(43.654.634.968)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(47.895.893.593)	(47.895.893.593)
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	-	(601.149.476.250)	(601.149.476.250)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.262.350.000.000</b>	<b>11.692.500.615</b>	<b>298.170.049.781</b>	<b>(87.388.368.719)</b>	<b>663.236.094.249</b>	<b>464.937.758.912</b>	<b>4.612.998.034.838</b>

(i) Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 6 năm 2024 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ đầu tư phát triển từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 với số tiền lần lượt là 47.895.893.593 VND và 43.654.634.968 VND.

(ii) Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 29 tháng 12 năm 2023 đã thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt theo tỷ lệ 21,75% từ nguồn hoàn nhập Quỹ đầu tư phát triển, trong đó trong năm 2023 đã tạm ứng cổ tức lần 1 với tỷ lệ 2,75%, tạm ứng cổ tức lần 2 với tỷ lệ 18,75% theo danh sách cổ đông của ngày đăng ký cuối cùng là ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Đến ngày phát hành báo cáo này, Công ty đã thực hiện thanh toán khoảng 601,1 tỷ đồng.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 4 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 3.262.350.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp					
	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng cổ phiếu	VND	%	Số lượng cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty cổ phần	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%	166.391.896	1.663.918.960.000	51,90%
Công ty TNHH Năng lượng REE	69.749.960	697.499.600.000	21,76%	77.396.260	773.962.600.000	24,14%
Các cổ đông khác	84.471.198	844.711.980.000	26,34%	76.824.898	768.248.980.000	23,96%
	<b>320.613.054</b>	<b>3.206.130.540.000</b>	<b>100%</b>	<b>320.613.054</b>	<b>3.206.130.540.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Số cổ phiếu được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
<b>Số cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	5.621.946	87.388.368.719
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.206.130.540.000	320.613.054	3.206.130.540.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu từ Công ty TNHH Bê Tông Asean Hà Nội	150.190.114	150.190.114
	<b>150.190.114</b>	<b>150.190.114</b>



21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu của bộ phận	4.465.314.874.118	2.707.507.666.973	113.990.469.221	144.541.377.968	4.579.305.343.339	2.852.049.044.941
Chi phí dự phòng đầu tư tài chính	-	-	1.373.500.000	(1.105.500.000)	1.373.500.000	(1.105.500.000)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	158.595.161.182	72.808.807.908	112.616.969.221	145.646.877.968	271.212.130.403	218.455.685.876
Thu nhập khác					911.032.493	773.742.524
Chi phí khác					340.773.282	350.007.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp					20.556.568.654	17.545.078.457
Lợi nhuận sau thuế TNDN					251.225.820.960	201.334.342.235
	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng tài sản	3.817.199.831.741	3.177.864.041.444	2.498.680.387.550	2.600.053.887.550	6.315.880.219.291	5.777.917.928.994
Tổng nợ phải trả	1.697.907.047.812	589.403.857.848	4.975.136.641	4.975.136.641	1.702.882.184.453	767.100.345.273
	Hoạt động kinh doanh điện		Hoạt động đầu tư		Tổng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi tiêu vốn	3.862.603.382	2.415.275.268	-	-	3.862.603.382	2.415.275.268
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	29.939.613.968	30.214.657.494	-	-	29.939.613.968	30.214.657.494
Khấu hao tài sản cố định vô hình	378.986.262	240.976.326	-	-	378.986.262	240.976.326

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động kinh doanh điện
- Hoạt động đầu tư

Kết quả kinh doanh, tài sản và công nợ của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận.

**22. DOANH THU BÁN HÀNG**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện	4.452.251.848.974	2.699.927.452.210
Doanh thu khác	13.063.025.144	7.580.214.763
	<b>4.465.314.874.118</b>	<b>2.707.507.666.973</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 29)	<b>4.451.616.943.491</b>	<b>2.699.457.795.627</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	3.859.767.222.877	2.295.587.054.664
Chi phí nhân công	106.431.705.049	96.724.410.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.830.488.967	28.572.628.208
Chi phí thuế, phí và lệ phí	57.071.739.708	38.118.179.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.720.111.557)	(14.185.051.523)
Khác	194.806.564.875	143.195.894.969
	<b>4.242.187.609.919</b>	<b>2.588.013.116.856</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.866.480.183.170	2.295.587.054.664
Chi phí nhân công và nhân viên	148.551.147.573	119.318.086.072
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	83.739.119.933	73.808.980.234
Chi phí khấu hao	29.864.710.862	30.468.079.229
Chi phí thuế, phí và lệ phí	69.604.748.385	43.361.841.418
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.933.659.078	52.301.967.796
Chi phí khác	48.056.950.342	19.839.282.954
	<b>4.306.230.519.343</b>	<b>2.634.685.292.367</b>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	1.102.156.995	7.976.836.968
Thu nhập từ cổ tức	112.888.312.226	136.564.541.000
	<b>113.990.469.221</b>	<b>144.541.377.968</b>

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	30.484.618.017	22.593.675.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.034.221.895	1.895.451.021
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.533.008.677	5.243.661.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.398.078.035	3.424.185.321
Chi phí khác	15.592.982.800	13.515.202.217
	<b>64.042.909.424</b>	<b>46.672.175.511</b>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	20.556.568.654	15.272.664.176
Điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.272.414.281
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20.556.568.654</b>	<b>17.545.078.457</b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	271.782.389.614	218.879.420.692
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(112.888.312.226)	(136.564.541.000)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho	(1.627.474.739)	(2.413.820.265)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	192.000.000	7.824.332.856
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất		
Chuyển lỗ	(54.675.759.378)	(11.362.071.405)
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	102.782.843.271	76.363.320.878
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>20.556.568.654</b>	<b>15.272.664.176</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI  
 CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỮ ĐÓNG  
 CHỖ CHỮ ĐÓNG

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	251.225.820.960	201.334.342.235
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	251.225.820.960	201.334.342.235
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	320.613.054	320.613.054
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>784</b>	<b>628</b>

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:*

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Đơn vị cùng Tổng Công ty
Công ty Mua bán điện	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương	Đơn vị cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Điện lực TP. Hồ Chí Minh	Đơn vị cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đơn vị cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Bán điện</b>		
Công ty Mua bán điện	4.451.616.943.491	2.699.457.795.627
	<b>4.451.616.943.491</b>	<b>2.699.457.795.627</b>
<b>Mua hàng</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	23.991.402.294	19.828.096.886
Công ty TNHH MTV điện lực Hải Dương	83.398.079	130.345.310
Trường Cao đẳng Điện lực TP. Hồ Chí Minh	-	118.944.546
	<b>24.074.800.373</b>	<b>20.077.386.742</b>
<b>Thu nhập lãi cho vay</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần	-	6.243.481.182
	-	<b>6.243.481.182</b>
<b>Cổ tức được chia</b>		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	71.677.200.000	62.977.250.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	21.045.965.226	73.587.291.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	11.311.657.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	1.773.490.000	-
	<b>112.888.312.226</b>	<b>136.564.541.000</b>



Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		
Công ty Mua bán điện	2.305.243.441.290	1.862.937.205.202
	<b>2.305.243.441.290</b>	<b>1.862.937.205.202</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	7.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	-	51.940.000.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	-	55.190.468.250
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	321.600.000
	<b>7.080.000.000</b>	<b>107.452.068.250</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tổng Công ty Phát điện 2- Công ty Cổ phần	311.980.000.000	45.757.771.400
	<b>311.980.000.000</b>	<b>45.757.771.400</b>

**Thu nhập của người quản lý chuyên trách**

Thu nhập người quản lý chuyên trách được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>595.025.591</b>	<b>624.427.800</b>
Ông Nguyễn Xuân Diệm	230.364.700	237.947.800
Ông Mai Quốc Long	253.394.087	51.427.100
Ông Nguyễn Quang Quyền	48.000.000	57.600.000
Ông Lê Tuấn Hải	48.000.000	57.600.000
Ông Ngô Nguyên Đồng	9.666.804	-
Ông Nguyễn Văn Thanh	5.600.000	-
Ông Vũ Xuân Dũng	-	219.852.900
<b>Thu nhập của Ban Giám đốc</b>	<b>446.387.400</b>	<b>429.847.800</b>
Ông Nguyễn Hoàng Hải	237.037.000	247.235.000
Thành viên khác Ban Giám đốc	209.350.400	182.612.800
<b>Thù lao và thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>345.614.300</b>	<b>284.863.200</b>
Trưởng Ban Kiểm soát	224.321.100	236.863.200
Thành viên khác	121.293.200	48.000.000

**30. CÁC KHOẢN CAM KẾT THUÊ**

Cam kết thuê chủ yếu phản ánh hợp đồng thuê đất với thời hạn 50 năm được ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Hải Dương. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê không được hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng 1 năm	24.380.051.060	24.380.051.060
Từ hai đến năm năm	97.520.204.240	97.520.204.240
Sau năm năm	662.324.720.463	698.894.797.053
	<b>784.224.975.763</b>	<b>820.795.052.353</b>

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 7.080.000.000 VND (kỳ trước: 62.977.250.000 VND), là số tiền cổ tức được chia từ Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (kỳ trước: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng) theo Quyết định chi trả cổ tức số 31/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị công ty này mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



Nguyễn Đức Tâm  
Người lập biểu



Đinh Thị Diễm Quỳnh  
Quyền Kế toán trưởng



Nguyễn Hoàng Hải  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2024



**TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 2  
CÔNG TY CP NHIỆT ĐIỆN PHẢ LẠI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4560/PPC-TCKT

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2024

Về việc: biến động kết quả kinh doanh trên  
Báo cáo tài chính soát xét năm 2024 so với  
cùng kỳ năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;  
- Quý cổ đông.

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của BTC về việc hướng dẫn CBTT trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ báo cáo tài chính soát xét năm 2024 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán Deloitte Việt Nam;

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại xin giải trình biến động kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính soát xét năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023 cụ thể:

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 là 251,22 tỷ đồng cao hơn 49,89 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023 (201,33 tỷ đồng). Biến động (tăng) trên 10% so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do:

Sản lượng điện thương phẩm lũy kế 6 tháng đầu năm 2024 Công ty là 2.411 triệu KWh cao hơn 1.054 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2023. Do đó, Doanh thu bán hàng của Công ty 6 tháng đầu năm 2024 đạt 4.465,31 tỷ đồng cao hơn 1.757,81 tỷ đồng tương đương tăng 64,92% so với cùng kỳ năm 2023 (2.707,51 tỷ đồng). Đồng thời, Giá vốn hàng bán 6 tháng đầu năm 2024 là 4.242,19 tỷ đồng tăng 1.654,17 tỷ đồng tương đương tăng 63,92% so với cùng kỳ năm 2023 (2.588,01 tỷ đồng).

Như vậy Sản lượng điện thương phẩm tăng dẫn đến doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán đều tăng, tuy nhiên giá trị tăng doanh thu (1.757,81 tỷ đồng) cao hơn so với giá trị tăng giá vốn (1.654,17 tỷ đồng) dẫn đến lợi nhuận 6 tháng đầu năm năm 2024 tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại về biến động kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2024 trên Báo cáo tài chính soát xét năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- EVNGENCO2 (đề B/c);
- HDQT; BKS (đề B/c)
- Lưu: VT, TCKT.



**Nguyễn Hoàng Hải**

